

TỈNH ỦY TRÀ VINH
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 303 -CV/BTGTU
V/v gửi Đề cương tuyên truyền
kỷ niệm 110 năm ngày Bác Hồ
ra đi tìm đường cứu nước

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trà Vinh, ngày 02 tháng 6 năm 2021

- Kính gửi:*
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
 - Ban Tuyên giáo các huyện, thị, thành ủy,
 - Tuyên huấn/Tuyên giáo các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,

Thực hiện Công văn số 557-CV/BTGTW ngày 19/5/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương “*về việc đẩy mạnh tuyên truyền, kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước*”, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn và gửi đến các đồng chí đề cương tuyên truyền kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911 - 05/6/2021), đề nghị các đồng chí triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh bằng hình thức phù hợp, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lãnh đạo BTGTU,
- Phòng TT - BC - VH - VN,
- Lưu BTGTU.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Dương Mỹ Pha

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM
110 NĂM NGÀY BÁC HỒ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC
(05/6/1911 - 05/6/2021)**

Nguyễn Tất Thành sinh ra trong một gia đình có truyền thống hiếu học và lớn lên ở một vùng quê giàu truyền thống yêu nước. Từ lúc tuổi còn nhỏ, Người sớm được tiếp cận với các tư tưởng lớn của phương Đông, hấp thụ vốn văn hóa truyền thống của dân tộc, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hoá phương Tây. Chứng kiến cảnh khổ cực của người dân mất nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của cha anh, Người càng yêu nước, thương dân sâu sắc và hun đúc những hoài bão lớn lao. Vốn có tư chất thông minh, tinh thần ham học hỏi, khả năng tư duy độc lập, tính ham hiểu biết và nhạy bén với cái mới, Người bị lôi cuốn bởi khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái”, những tư tưởng tiến bộ của cuộc cách mạng ở Pháp năm 1789, thành tựu văn minh, tiến bộ của nhân loại ở Pháp và các nước châu Âu khác, đã thúc đẩy Người muốn đến tận nơi tìm hiểu. Từ đó, Người đã quyết định ra đi tìm đường cứu nước.

I. BỐI CẢNH XÃ HỘI VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

1. Sau thất bại của các cuộc khởi nghĩa vũ trang cuối thế kỷ XIX, tư tưởng của các sĩ phu yêu nước đã có sự chuyển biến. Họ cố thoát ra khỏi ý thức hệ phong kiến, đi tìm một con đường mới trong ý thức hệ tư sản Âu-Mỹ qua các tân thư được truyền vào từ Trung Hoa. Song những cố gắng ấy cũng đều lần lượt bị thất bại. Cuộc vận động chống sưu thuế bị đàn áp, Trần Quý Cáp bị xử tử, Phan Châu Trinh bị đày đi Côn Đảo. Vụ Hà Thành đầu độc thất bại, các nghĩa sĩ bị chặt đầu; Trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa; căn cứ nghĩa quân Yên Thế bị bao vây, đánh phá; phong trào Đông Du bị tan rã, Phan Bội Châu và các đồng chí của ông bị trục xuất khỏi nước Nhật,... Những nỗ lực cuối cùng của các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ đầu như đều đã thất bại.

Phong trào cứu nước, giải phóng dân tộc đứng trước một cuộc khủng hoảng, bế tắc cả về lý luận, đường lối và phương thức đấu tranh. Làm thế nào để đánh đuổi được chủ nghĩa thực dân xâm lược, giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào? Câu hỏi đó ngày đêm nung nấu, day dứt tâm can lớp thanh niên yêu nước thế hệ Nguyễn Tất Thành lúc bấy giờ.

Sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn đầy biến động của đất nước; được kế thừa truyền thống yêu nước, bất khuất của quê hương và gia đình, khi còn là một thiếu niên 15 tuổi, Nguyễn Tất Thành đã sớm biết đau nỗi đau mất nước, xót xa trước nỗi thống khổ của đồng bào, đã sớm có chí đuổi giặc, cứu nước, giải phóng dân tộc.

Nhưng bằng con đường nào? Liên minh với ai, dựa vào ai để chiến đấu? Cuộc tranh luận không phải về mục tiêu mà về con đường: dựa vào Pháp để cải cách như Phan Châu Trinh hay dựa vào Nhật để cứu nước như Phan Bội Châu? Mặc dù uy tín của hai chí sĩ họ Phan đều rất lớn, nhưng anh không đứng về phe nào. Trước khi đi đến quyết định, theo tinh thần “cách vật, trí tri”, anh cần tìm hiểu đến tận cùng thực chất của thời cuộc. Sau này, trong một lần trò chuyện với nhà báo Mỹ Anna Louise

Strong, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau: ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp? Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”. Điều đó cho thấy, Nguyễn Tất Thành đã sớm có ý thức khám phá thời đại để tìm ra con đường đúng đắn dẫn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc.

2. Bước sang thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, mỗi thuộc địa là một mắt khâu của hệ thống đế quốc, do đó cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không thể chỉ là hành động riêng rẽ của một quốc gia này chống lại sự xâm lược và thống trị của một quốc gia khác như trước kia, mà đã trở thành một bộ phận của cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Trong điều kiện lịch sử mới, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi, phải trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, như Lenin đã nói. Đây chính là đặc điểm mới của thời đại mà các sĩ phu trong nước thời đó chưa có điều kiện để nhận ra.

Với nhạy cảm chính trị của một trí tuệ hiếm có, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành đã có được dự cảm nhất định về sự chuyển biến của thời đại. Kẻ xâm lược mới đến từ phương Tây, mang theo sức mạnh của văn minh phương Tây. Muốn thắng được họ, phải đi tìm một con đường khác. Đó là con đường nào? Ở tuổi 20, người thanh niên ấy chưa thể trả lời ngay được, nhưng sự lựa chọn đầu tiên đã tỏ ra vô cùng sáng suốt: ngược với làn sóng Đông Du, anh một mình đi sang phương Tây, nơi sớm nở ra các cuộc cách mạng dân chủ tư sản, nơi các trào lưu tư tưởng tự do dân chủ và khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ. Phải ra đi xem xét họ làm ăn thế nào để trở về giúp đồng bào. Khát vọng đó của anh đã nảy nở từ rất sớm và lớn dần lên theo năm tháng.

Ngày 2-6-1911, Nguyễn Tất Thành ra bến Nhà Rồng liên hệ xin việc. Ngày 3-6-1911, anh được giới thiệu và nhận vào làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Latuse Torêvin. Ngày 5-6-1911, với tên mới Văn Ba, anh theo tàu rời nước ra đi. Không khoác áo thân sĩ, ra đi trong tư cách một người lao động, khởi nghiệp với đôi bàn tay trắng, với một ý chí mãnh liệt, một nghị lực phi thường, một mình tiến hành cuộc trường chinh 30 năm đi tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

II. QUÁ TRÌNH TÌM TÒI VÀ HÌNH THÀNH CƠ BẢN CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA VIỆT NAM

1. Tiến hành cuộc khảo sát rộng lớn thế giới tư bản

Nguyễn Tất Thành nhận làm bồi tàu, thủy thủ để có điều kiện được đi. Từ cảng Nhà Rồng, anh đã đi qua Singapore, Colombo, vượt Hồng Hải, qua Suez đến cảng Saïd, Marseille, Le Havre. Từ Pháp, anh trở lại Sài Gòn, rồi đi vòng quanh châu Phi, qua các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Algérie, Tunisie, trở lại các cửa biển Đông Phi, vòng qua Congo, Dahomey, Guinée, Sénégal, vượt Đại Tây Dương tới Hoa Kỳ, vòng xuống Nam Mỹ, tới Arhentina,... Sau đó, trở lại Anh, về Pháp, qua Đức, tới Liên Xô, về Trung Quốc, sang Thái Lan..., tất cả hơn 30 nước.

Có thể nói, vào đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh là một trong số rất ít các nhà cách mạng đương thời có điều kiện đi nhiều, có một vốn hiểu biết khá tường tận về

chủ nghĩa đế quốc và hệ thống thuộc địa của chúng. Bản thân là người dân thuộc địa, ra nước ngoài hòa mình vào cuộc sống lao động và đấu tranh của vô sản ở chính quốc, có gần 10 năm bôn ba, khảo sát các thuộc địa của đế quốc Anh, Pháp, Đức - từ châu Á, châu Phi đến châu Mỹ la tinh, nên có hiểu biết về bản chất chung và màu sắc riêng của mỗi nước đế quốc cũng như trình độ phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội khác nhau giữa các nước thuộc địa. Nhờ vốn hiểu biết thực tế đó, cùng với một năng lực tư duy độc lập, tự chủ, đã giúp Người không rơi vào các khuynh hướng cơ hội nhưng cũng không dễ dàng chấp nhận một cách giáo điều những công thức lý luận không phù hợp với thực tế các nước thuộc địa, nhất là ở phương Đông.

2. Bắt đầu tham gia hoạt động chính trị, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp vào lúc cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vừa bùng nổ thắng lợi, mở ra một hướng phát triển mới trong lịch sử loài người. Nhân Hội nghị Hòa bình Versailles, cùng với Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, dưới tên ký Nguyễn Ái Quốc, anh thử nghiệm sử dụng pháp lý tư sản và hình thức đấu tranh bằng phương pháp hòa bình, đưa ra bản Yêu sách tám điểm, đòi quyền bình đẳng về pháp lý và các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nhân dân Việt Nam. Bản Yêu sách không được các đế quốc thắng trận để mắt tới, anh rút ra kết luận: Chương trình 14 điểm của Tổng thống Mỹ W. Wilson chỉ là một trò bịp lớn, “muốn giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình”.

Cuối năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng duy nhất ở Pháp tỏ ý quan tâm đến số phận các dân tộc thuộc địa. Tuy nhiên, anh đã thất vọng, vì họ nói rất hay, “thông qua những nghị quyết rất kêu, để sau đại hội đưa vào viện bảo tàng”.

Giữa lúc đó, ai đã chìa bàn tay thân ái đối với anh, với các dân tộc thuộc địa? - Chính phái tả của cách mạng Pháp, Quốc tế 3, Lênin và Cách mạng Nga! “Họ đã không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những nghị quyết “nhân đạo”... “Mặc dù đang vấp phải những khó khăn trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng không hề một chút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi”.

Chính nhờ thắng lợi của cách mạng Nga, rồi đọc Luận cương của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ánh sáng cho con đường giải phóng dân tộc mình trong sự nghiệp giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức. Đêm kết thúc Đại hội Tours của Đảng Xã hội Pháp (30-12-1920), Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế 3, đánh dấu bước ngoặt trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời mở ra bước chuyển cho bao thế hệ người Việt Nam: từ người yêu nước thành người cộng sản.

3. Vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu lý luận, góp phần bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác

- Nguyễn Ái Quốc khởi đầu hoạt động đấu tranh cách mạng của mình bằng việc tố cáo những tội ác man rợ của bọn thực dân ở thuộc địa, nhằm làm cho nhân

dân Pháp và nhân dân thế giới biết được sự thật về cái gọi là “chính sách khai hóa” của bọn thực dân, gây men căm giận, phẫn nộ, từ đó kêu gọi “nô lệ thức tỉnh”: “Mọi chế độ thực dân đế quốc đều tiêu diệt hết các nòi giống bản xứ, muốn cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc”. Sử dụng hình ảnh “chủ nghĩa tư bản là con đĩa 2 vôi”, nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả 2 cái vôi của nó đi, Nguyễn Ái Quốc nêu lên sự cần thiết phải thực hiện sự liên minh chiến đấu giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, hai cuộc cách mạng đó phải phối hợp nhịp nhàng với nhau như hai cánh của một con chim.

Trong cuộc đấu tranh giải phóng đó, sự ủng hộ của quốc tế là rất quan trọng, song nhân tố quyết định vẫn là sự nỗ lực của bản thân nhân dân các dân tộc thuộc địa. Người viết: “ Vận dụng công thức của C. Mác, tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em, chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em” .

Những bài báo đó của Nguyễn Ái Quốc đã đặt cơ sở ban đầu cho việc hình thành lý luận về con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa theo con đường cách mạng vô sản.

- Sau khi đến Liên Xô, tham gia một khóa học lý luận ngắn hạn, rồi được mời tham dự nhiều đại hội và hội nghị quốc tế lớn, Nguyễn Ái Quốc có cơ hội vừa lắng nghe, học tập, vừa vận dụng vốn lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của mình, tham gia vào cuộc tranh luận, đưa ra những ý kiến sắc sảo, những luận điểm riêng, góp phần bổ sung và phát triển lý luận của Lênin về cách mạng ở thuộc địa.

Thời kỳ sau khi Lênin qua đời, về mặt lý luận, phong trào cộng sản quốc tế có xu hướng bị “sơ cứng hóa”, còn tỏ ra chịu ảnh hưởng nhiều của thuyết “đĩ Âu vi trung” (Européo-centrisme=lấy châu Âu làm trung tâm), thường chỉ nhấn mạnh vai trò quyết định của cách mạng vô sản ở chính quốc mà coi nhẹ hoặc đặt cách mạng giải phóng dân tộc ở địa vị phụ thuộc.

Sớm nhận ra tình hình này, tại các diễn đàn quốc tế đó, bằng những lời lẽ tâm huyết và lập luận thuyết phục, Nguyễn Ái Quốc đã “thức tỉnh” các đồng chí cộng sản châu Âu về tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa, rằng “ vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa...”, rằng “ nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc,... Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, lại khinh thường thuộc địa...trong lúc chủ nghĩa tư bản lại dựa vào nó để tự bảo vệ và chống lại các đồng chí?”.

Từ luận điểm đó, Nguyễn Ái Quốc làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa. Người yêu cầu giai cấp vô sản ở chính quốc và đảng tiên phong của nó “ không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức ”; “cần nêu một tấm gương về những điều họ có thể và phải làm cho những anh em của họ đang bị áp bức”, chỉ có sự hợp tác đó mới có thể đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

Trước khi rời Maxcova đi về phương Đông, Nguyễn Ái Quốc thấy cần thiết phải chính thức phát biểu quan điểm của mình (báo cáo bằng văn bản) với BCH quốc

tế cộng sản. Người nhấn mạnh sự cần thiết phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi nước. Người đặt vấn đề: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? - Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”. Đây không phải Nguyễn Ái Quốc phản biện Mác mà chỉ thể hiện sự phản ứng với khuynh hướng “lấy châu Âu làm trung tâm” vào lúc đó, vẫn coi châu Âu là mẫu mực, là điển hình cho sự phát triển của nhân loại, cho rằng khi nào cách mạng vô sản ở châu Âu thắng lợi thì các dân tộc thuộc địa đương nhiên sẽ được giải phóng,...(trong khi Nguyễn Ái Quốc, do đánh giá cao chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc của nhân dân thuộc địa, lại cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và bằng thắng lợi của mình mà góp phần “giúp đỡ những người anh em ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”).

Xuất phát từ tư duy biện chứng và yêu cầu phải vận dụng chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế- văn hóa- xã hội các nước phương Đông và Việt Nam, trong báo cáo gửi quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đề xuất 3 luận điểm lớn:

+ “Cuộc đấu tranh giai cấp ở đó (tức Việt Nam) không diễn ra giống như ở phương Tây”, do ở đó sự phân hóa giai cấp chưa triệt để và sâu sắc; sự đối lập về tài sản và mức sống giữa các giai cấp chưa thật lớn, do đó, “sự xung đột về quyền lợi giữa họ được giảm thiểu”; hơn nữa các dân tộc Viễn Đông không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ, nên cuộc đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây (tức phương Tây).

+ “Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước” - hơn nữa còn là động lực vĩ đại và duy nhất của họ, vì ở các thuộc địa đang đấu tranh giành độc lập thì mâu thuẫn dân tộc và đế quốc là mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu nhất, mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ dân tộc vẫn tồn tại, nhưng được giảm thiểu, vì dù là tư sản hay địa chủ (hạng vừa và nhỏ) cũng đều là người nô lệ mất nước.

+ Từ đó, Người mạnh dạn kiến nghị: “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ các Xô viết phải đảm nhiệm”.

Những quan điểm trên đã thể hiện một năng lực tư duy độc lập, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc về lý luận, dựa trên quan điểm thực tiễn, quan điểm biện chứng vốn là linh hồn của chủ nghĩa Mác. Tiếc rằng 3 luận điểm đó được đưa ra vào thời điểm sau khi Lenin đã mất, quan điểm “giai cấp chống giai cấp” đang thắng thế, “chủ nghĩa dân tộc” bị coi là rơi vào phạm trù tư tưởng tư sản, nên không được quốc tế cộng sản chấp nhận. Tuy vậy, các quan điểm đó vẫn được Nguyễn Ái Quốc kiên trì vận dụng để chỉ đạo cách mạng Việt Nam, vì nó đúng với hoàn cảnh và điều kiện của Việt Nam.

4. Từ Đường Kách mệnh đến Chính cương, Sách lược văn tắt đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam

- Tác phẩm Đường Kách mệnh là sự phát triển các quan điểm lý luận đã được Nguyễn Ái Quốc sơ bộ nêu lên trước đó, nay được trình bày tương đối có hệ thống về con đường cách mạng Việt Nam.

+ Đường kách mệnh khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng Nga, tức là phải đặt nó trong quỹ đạo cách mạng vô sản.

+ Đường kách mệnh xác định rõ con đường cách mạng Việt Nam phải trải qua 2 giai đoạn: dân tộc cách mệnh và thế giới cách mệnh, hai giai đoạn này có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng mỗi giai đoạn có mục tiêu và phương pháp vận động cách mạng khác nhau. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, trên nền tảng “công nông là người chủ cách mệnh”, “là gốc cách mệnh”, “còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ, ... ba hạng ấy chỉ là bầu bạn của công nông thôi”.

+ Đường kách mệnh sớm chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết quốc tế, vấn đề phương pháp cách mạng như phương pháp tuyên truyền, giảng giải về lý luận, về chủ nghĩa, về giác ngộ và cách tổ chức-vận động quần chúng ra đấu tranh, ...

+ Đường kách mệnh nhấn mạnh tầm quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng, “Đảng có vững, cách mệnh mới thành công. Đảng muốn vững, phải có chủ nghĩa làm cốt... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”.

+ Đường kách mệnh chỉ rõ sức mạnh của đảng cách mạng là ở lý luận, ở tổ chức, đồng thời còn ở phẩm chất chính trị và đạo đức của mỗi đảng viên. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc đặt lên hàng đầu vấn đề đạo đức cách mạng, nhắc nhở phải “ít lòng tham muốn về vật chất, phải xem thường danh vị, ngôi thứ và tiền bạc, ...” vì chúng là cội nguồn sinh ra đổ kỵ, hận thù, chỉ điểm, phản bội, làm tổn hại nghiêm trọng đến sự nghiệp cách mạng.

Những nội dung trên cho thấy Đường kách mệnh đã đặt cơ sở cho sự hình thành đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam theo đường lối cách mạng vô sản; nó đánh dấu sự chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước đã diễn ra từ cuối thế kỷ XIX cho đến những năm 20 của thế kỷ XX.

- Chính cương, Sách lược vắn tắt và các văn kiện của Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, do Nguyễn Ái Quốc thảo ra, đã đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam.

+ Về tiến trình của cách mạng Việt Nam, Chính cương nêu rõ “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, nghĩa là tiến trình đó gồm 2 giai đoạn cách mạng như Lênin đã nói; vì thổ địa cách mạng cũng chỉ là một trong 2 nhiệm vụ cơ bản của giai đoạn tư sản dân quyền cách mạng. Còn để “đi tới xã hội cộng sản”, đó là nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng sau (giai đoạn thế giới cách mạng, tức cách mạng vô sản).

Xuất phát từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: đế quốc và phong kiến là 2 đối tượng phải đánh đổ trong cách mạng dân tộc dân chủ, nhưng không coi 2 nhiệm vụ đó phải thực hiện ngang nhau, song song, đồng thời, mà đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc, cần tập trung mũi

nhọn vào kẻ thù chính, còn nhiệm vụ chống phong kiến, đem lại ruộng đất cho dân cày sẽ thực hiện từng bước, nhưng phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc. Đó là chỗ khác với quan điểm của Staline và quốc tế cộng sản.

+ Về đường lối tập hợp quần chúng: Sách lược vẫn tất đề ra chủ trương mềm dẻo, nhằm tập hợp rộng rãi các tầng lớp dân chúng, lôi kéo họ đi về phe vô sản giai cấp, còn đối với bọn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến,...) thì phải đánh đổ.

Sách lược vẫn tất của Đảng cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, cùng với Chính cương vẫn tất trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, nguồn gốc tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó là sự thấm nhuần và vận dụng sáng tạo những tư tưởng của Lênin được Người đề ra trong Sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Tuy nhiên, ở thời kỳ sau Lênin, nhất là sau Đại hội VI quốc tế cộng sản (1928), khi mà cuộc tổng khủng hoảng của CNTB đang đến gần, quốc tế cộng sản cho rằng thời kỳ bùng nổ và thắng lợi của cách mạng vô sản châu Âu đã tới, càng nhấn mạnh hơn khẩu hiệu “giai cấp chống giai cấp”, coi cách mạng giải phóng của các dân tộc phương Đông chỉ nằm ở vòng ngoài, hỗ trợ cho thắng lợi của cách mạng vô sản; lúc này mặt trận Quốc - Cộng hợp tác ở Trung Quốc cũng đã thất bại và tan vỡ,...nên Chính cương, Sách lược của Nguyễn Ái Quốc bị phê là “sặc mùi hợp tác giai cấp”. Chỉ sau những thất bại liên tiếp của cách mạng vô sản ở châu Âu cuối những năm 20 đầu 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và sự bùng nổ chiến tranh thế giới mới, Đại hội VII cách mạng vô sản (7-1935) mới thay đổi đường lối, mới trở lại với tư tưởng của Lênin về chính sách mặt trận, khi đó tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam mới được thừa nhận và triển khai trong thực tế.

III. TRỞ VỀ TỔ QUỐC LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THẮNG LỢI MỞ RA MỘT KỶ NGUYÊN MỚI CHO LỊCH SỬ DÂN TỘC

Đến với cánh tả của cách mạng Pháp rồi với Lênin và Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người nóng lòng trở về Tổ quốc, “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập”. Sau nhiều năm dày công chuẩn bị về chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng, đào tạo và huấn luyện cán bộ cho cách mạng Việt Nam, để chủ động đón thời cơ giải phóng dân tộc đang đến gần, ngày 28-1-1941, Người đã vượt qua biên giới Việt -Trung, đặt chân lên mảnh đất địa đầu của Tổ quốc thân yêu sau mấy chục năm xa cách.

Ba mươi năm trước, khi Người bước chân ra đi, con đường cứu nước, giải phóng dân tộc vẫn còn mù mịt, chưa thấy đường ra. Ba mươi năm sau, Người trở về với Chính cương, Sách lược sáng trong lòng. Người chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (5-1941), cùng với Trung ương Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp. Hội nghị nhận định: cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền ...(mà) là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị quyết định

tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian, để thêm khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công,...Làm như vậy, như Hội nghị phân tích, không phải là bỏ mất nhiệm vụ điền địa, mà nhằm ngay nhiệm vụ bức thiết trước mắt là giải phóng dân tộc, vì “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

Thi hành chính sách ‘dân tộc tự quyết’, Hội nghị cũng rút khẩu hiệu thành lập liên bang Đông Dương. Về vấn đề chính quyền, Hội nghị chỉ rõ: “sau khi đánh đuổi được Pháp-Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới...Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp của chung cả toàn thể dân tộc...ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam thấy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền”.

Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 đã lôi cuốn hàng chục triệu nông dân, dù chưa được chia lại ruộng đất của địa chủ, vẫn hăng hái tiến bước cùng giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm nên cuộc cách mạng long trời lở đất. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dân tộc Việt Nam từ thân phận nô lệ đã vươn lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới.

Công lao đó thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Người đã xông pha trên con đường vạn dặm để tìm ra cái “cắm nang thần kỳ”, đưa sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc đến thắng lợi vẻ vang, lập nên nhà nước dân chủ cộng hòa đầu tiên ở châu Á.

IV. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HÓA KIỆT XUẤT VIỆT NAM

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

Năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam từ miền xuôi đến miền ngược, từ Bắc chí Nam đã gắn kết thành một khối, phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân tộc làm cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lật đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công nông, dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á. Ngày 2/9/1945, thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã trở thành một nước tự do độc lập”. Ngay sau khi giành độc lập, chính quyền cách mạng non trẻ của nước ta cùng một lúc phải đối mặt với “giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”. Trong điều kiện cực kỳ khó khăn, phức tạp, thù trong, giặc ngoài “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối, chiến lược,

sách lược lãnh đạo toàn dân tộc, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua cơn hiểm nghèo, bảo vệ Đảng và giữ vững chính quyền cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng toàn Đảng xây dựng đường lối “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”; “thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược”; lãnh đạo nhân dân phát huy cao độ lòng yêu nước, khí phách anh hùng đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Ngay từ khi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, ánh sáng chân lý của thời đại, tâm lòng của Người luôn hướng về nhân dân các dân tộc bị áp bức, chiến đấu không mệt mỏi vì một thế giới hòa bình, các dân tộc được tự do và bình đẳng, con người được sống hạnh phúc. Người đã hết lòng, hết sức xây dựng sự đoàn kết nhất trí giữa các Đảng Cộng sản anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng; không ngừng vun đắp quan hệ gắn bó, hữu nghị giữa các dân tộc Đông Dương, các nước láng giềng; cống hiến xuất sắc cả về lý luận và thực tiễn cho phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, kiên cường và vô cùng trong sáng, suốt đời chiến đấu cho công bằng, hòa bình và tiến bộ của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”, Đảng ta kiên định những quan điểm có tính nguyên tắc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trước yêu cầu mới: kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước. Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta đặc biệt coi trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Đổi mới vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Sau hơn 20 năm đổi mới, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện, giành được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn. Hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững. Trong quan hệ đối ngoại, Đảng ta đã xác định đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Vị thế của nước ta

trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Di chúc thiêng liêng và tấm gương đạo đức sáng ngời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua khó khăn, thử thách tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nhà văn hoá kiệt xuất Việt Nam:

Những năm tháng hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Người viết sách, báo bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga... tiếp thu tinh hoa văn hoá phương Tây đặc biệt là tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao tư tưởng nhân văn của nhân loại, nhờ đó đã kết tinh ở Người những giá trị văn hoá vừa dân tộc, vừa hiện đại. Hồ Chí Minh làm thơ chữ Hán. Văn thơ chữ Hán của Người đạt đến trình độ của bậc Hán học. Người tiếp thu tinh hoa của Nho giáo, Phật giáo... kế thừa truyền thống văn hoá phương Đông. Hồ Chí Minh đã vận dụng, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trên một loạt vấn đề phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh nhận rõ ý nghĩa lớn lao và vị trí đặc biệt quan trọng của văn hoá, Người chỉ rõ: “Văn hoá soi đường quốc dân đi”.

Hồ Chí Minh là chiến sĩ tiên phong của nền văn học - nghệ thuật, báo chí cách mạng, đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cho công bằng, lẽ phải trên trái đất. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Người cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của nhân dân ta đã thành công, giành lại độc lập cho dân tộc, đồng thời cũng đã trả lại vị trí xứng đáng cho văn hoá Việt Nam, mở ra một thời đại mới cho nền văn hoá dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội của dân tộc Việt Nam, đã trở thành văn hoá dân tộc. Sự đóng góp của Hồ Chí Minh về văn hoá không chỉ ở phương diện lý luận mà còn thấm đượm trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người, tỏa sáng trong mỗi việc làm, từng cử chỉ, từng mối quan hệ với đồng bào, đồng chí và bạn bè quốc tế. Cái cốt lõi trong tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh là lòng yêu nước, thương dân, thương yêu con người, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Người đề cao lý tưởng cứu nước, cứu dân “Tổ quốc trên hết”, “Dân tộc trên hết”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Hồ Chí Minh quan niệm: “Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức”. Việc gì có lợi cho dân thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân thì phải hết sức tránh. Đó là một nhân sinh quan, một triết lý sống rất nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cả cuộc đời cách mạng gần sáu mươi năm Người đã chiến đấu chống áp bức bất công, đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân, cho dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại. Người đã hiến dâng cả cuộc đời cho dân tộc, cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà tư tưởng lỗi lạc, mà còn là nhà hoạt động thực tiễn xuất sắc; không chỉ là một chính trị gia vĩ đại, mà còn là một nhà văn hoá kiệt xuất.

Các nhà nghiên cứu trong nước và thế giới đã và đang bàn đến văn hoá chính trị Hồ Chí Minh, văn hoá đạo đức Hồ Chí Minh. Thế giới có nhiều thay đổi và có nhiều đổi thay trong thế giới. Nhưng vẫn còn vẹn nguyên những giá trị không hề thay đổi. Trong những giá trị trường tồn đó có di sản tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Đó là: nhân đạo và hoà bình; Tổ quốc và nhân loại; dân chủ và nhân văn; tự do và hạnh phúc; tinh thần yêu nước và chủ nghĩa dân tộc chân chính; đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư...

Với những cống hiến xuất sắc cho dân tộc và cho nhân loại tiến bộ, năm 1990, nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ chí Minh, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên Hợp quốc (UNESCO) đã công nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá kiệt xuất Việt Nam”.

V. TIẾP TỤC THỰC HIỆN NHỮNG TƯ TƯỞNG VĨ ĐẠI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

1. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam và trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người đã cống hiến một tài sản tinh thần to lớn cho dân tộc ta, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh và đạo đức Hồ Chí Minh. Khi bàn về chủ nghĩa Mác - Lênin, Người khẳng định: Cách mạng Việt Nam “trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững thì cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”; chủ nghĩa Lênin là “cái cẩm nang thần kỳ”, “là kim chỉ nam”, “là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng”.

Là học trò của C.Mác và V.I.Lênin, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã cùng Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam giành thắng lợi to lớn. Nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến, nghèo nàn, lạc hậu, đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, thoát khỏi tình trạng nước kém phát triển, vững bước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa, vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, đang phát huy mọi tiềm năng, trí tuệ, vững bước dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, tiến hành công cuộc đổi mới, chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang bị các thế lực thù địch, phản cách mạng, phản tiến bộ điên cuồng chống phá bằng nhiều thủ đoạn nhằm phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng ta. Nhưng chính sự chống phá, xuyên tạc điên cuồng của các thế lực thù địch đối với tư tưởng C.Mác, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh đã

chúng tỏ sức sống trường tồn, tinh thần khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, làm cơ sở quy tụ, xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc. Đó là cơ sở vững chắc để Đảng ta lãnh đạo toàn dân tộc tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn.

Các cấp uỷ đảng cần tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào cũng luôn kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm tốt công tác tuyên truyền làm cho cán bộ, đảng viên hiểu rõ âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, kiên quyết bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phấn đấu đến năm 2030 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là một tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, tiếp tục giành được những thành tựu to lớn. Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu đã bộc lộ sâu sắc những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả, các nước đang phát triển đang phải tiến hành cuộc đấu tranh chống nghèo nàn, lạc hậu trong hoàn cảnh rất khó khăn, phức tạp, nhưng sẽ có những bước tiến mới. Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Dưới ngọn cờ của một đảng mác xít chân chính, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin, 90 năm qua Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, liên tục giành những kỳ tích vẻ vang, mở ra thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh - thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc.

Chúng ta hiểu sâu sắc rằng: Để có được hoà bình, độc lập, tự do của dân tộc, nhân dân ta đã phải hy sinh nhiều xương máu. Từ thực tiễn phong phú của cách mạng nước ta và nhiều nước trên thế giới cho thấy, hoà bình và ổn định chính trị - xã hội là điều kiện tiên quyết để phát triển. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã mang lại cho đất nước ta sự ổn định về chính trị - xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, đất nước ta đã bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Độc lập dân tộc đã và đang là điều kiện tiên quyết để dân tộc ta xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xã hội xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Hồ Chí Minh và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Đây là một quá trình cách mạng sâu sắc và triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta còn gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng chúng ta có nhiều thuận lợi cơ bản để biến lý tưởng cách mạng thành hiện thực. Đó là: Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là một đảng mác xít chân chính có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo; dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần quán triệt sâu sắc bài học lớn của Đảng: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội sẽ tạo tiền đề vững chắc để đất nước ta phát triển kinh tế - xã hội nhanh và hài hòa hơn. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ quang vinh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại là trách nhiệm của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

3. Thấm nhuần tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, nâng cao phẩm chất, trí tuệ của Đảng, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền. Năng lực cầm quyền của Đảng là sự tổng hoà trình độ, khả năng, bản lĩnh chính trị để giải quyết các nhu cầu, nhiệm vụ do tình hình đất nước và thế giới đặt ra, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu: xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phồn vinh, góp phần xứng đáng vào phong trào hòa bình, tiến bộ của nhân dân thế giới.

Trước yêu cầu của tình hình cách mạng mới, trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào Đảng cũng phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng phải nâng tầm trí tuệ, nắm chắc yêu cầu thực tiễn, tình hình trong nước và quốc tế, để hoàn thiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong công tác hoạch định đường lối phải quán triệt tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, xuất phát từ lợi ích của nhân dân, của đất nước; làm tốt công tác dự báo, chú trọng giải quyết

những vấn đề nảy sinh, kịp thời nghiên cứu tổng kết, bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng.

Các tổ chức đảng phải đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thật sự phát huy dân chủ, giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Tạo điều kiện để đảng viên công tác, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng; khắc phục và phòng ngừa sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Triển khai thực hiện tốt Quy chế Dân vận trong hệ thống chính trị; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác vận động nhân dân. Cán bộ chủ chốt cấp ủy đảng phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời.

Mỗi cán bộ, đảng viên thực hiện tốt việc học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, trong sáng về đạo đức, lối sống, có sức chiến đấu cao, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ; hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; có trách nhiệm trực tiếp làm công tác tư tưởng; có tinh thần cảnh giác, chủ động chống nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, chống chủ nghĩa cá nhân, đẩy mạnh chống tham nhũng, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác; đấu tranh chống diễn biến hòa bình, các luận điệu xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.

4. Giải quyết tốt mối quan hệ: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là nội dung gắn kết trong một chỉnh thể thống nhất, hình thành cơ chế vận hành của chế độ chính trị nước ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng ta là Đảng cầm quyền. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó máu thịt với nhân dân. Đảng cầm quyền, nhưng nhân dân là chủ. Đảng cầm quyền lấy nhân dân làm gốc. Đảng cầm quyền để nhân dân làm chủ. Đảng viên lãnh đạo nhân dân, là “công bộc” của nhân dân. Những chức danh cán bộ trong bộ máy Nhà nước do nhân dân bầu ra thì quyền lực vẫn thuộc về nhân dân, nhân dân ủy thác quyền lực đó cho những chức danh cụ thể. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước.

Đảng cầm quyền và lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách, chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Nhà nước ta là Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước định ra luật pháp và tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật; giữ nghiêm kỷ cương xã hội. Nhà nước gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương. Nhà nước Việt Nam thống nhất các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền đó.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đánh thắng kẻ thù xâm lược giành chính quyền về tay nhân dân và độc lập, tự do cho dân tộc. Sự nghiệp cách mạng là của toàn dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Trong các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Đảng và Nhà nước ta đều đặc biệt quan tâm đến chiến lược phát triển con người, coi con người là trung tâm của chiến lược phát triển: Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

Trong sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam thật sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Các cấp ủy các cấp quán triệt và thực hiện tốt quan điểm: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức thật sự là công bộc của nhân dân. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống hành chính Nhà nước và trong toàn xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao. Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân. Có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp. Thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ và Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở. Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành động vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách lập pháp, tư pháp và quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất

lượng hệ thống pháp luật; hoàn thiện bộ máy Nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính nhất là thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, sinh hoạt của nhân dân.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, phải thực hiện đổi mới toàn diện và đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội với lộ trình và bước đi thích hợp, tập trung mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ và phát huy sức sáng tạo của mình.

Các cấp ủy các cấp cần quán triệt và thực hiện tốt quan điểm: coi trọng công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý Nhà nước đáp ứng nhiệm vụ trước yêu cầu mới. Mọi cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến cơ sở và từng đảng viên phải gương mẫu thực hiện và trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; cổ vũ phong trào tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng.... Coi trọng chiến lược con người: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển”; “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam”; “Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; “Hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng nghĩa vụ và quyền lợi”.

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là cơ sở để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

5. Phát huy tình cảm quốc tế trong sáng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nâng cao vị thế đất nước trong hội nhập quốc tế

Đảng ta ngay từ khi ra đời đã giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, đề ra nhiệm vụ đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới, với các dân tộc bị áp bức, coi đó là một nguyên tắc, một trong những nhân tố quyết định thành công của cách mạng nước ta. Từ sau khi phá bỏ chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ và một số nước khác, Việt Nam đã tham gia hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực, mở rộng quan hệ ngoại giao với trên 180 nước, quan hệ kinh tế thương mại với trên 200 nước và vùng lãnh thổ; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, trong những năm qua, vị thế của Việt Nam đã không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế; tham gia có trách nhiệm các Hiệp định song phương, đa phương; tích cực tham gia giải quyết những vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển, đảo với các nước liên quan, góp phần giữ vững môi trường hòa bình khu vực và thế giới. Việc Việt Nam được chọn là quốc gia duy nhất của khu vực châu Á-Thái Bình Dương ứng cử vào Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021 một lần nữa khẳng định điều này. Đặc biệt, trải qua 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện cương lĩnh phát triển đất nước năm 1991, đất nước ta đạt được *những thành tựu to lớn, có*

ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đại hội XIII của Đảng đã đánh giá "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay". "Đây là niềm tự hào, là động lực; nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức; tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất nước".

VI. ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

1. Những kết quả đạt được

Để việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên và có sức lan tỏa sâu rộng, 5 năm qua, các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị trong tỉnh Trà Vinh triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về học tập và làm theo Bác, nhất là đẩy mạnh việc làm theo. Chỉ đạo, triển khai, cụ thể hóa nhiều văn bản của Trung ương sát hợp với tình hình thực tế và nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và gắn với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Từ đó, góp phần giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, nổi cộm trong xã hội mà Nhân dân quan tâm. Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp chú trọng bổ sung, cập nhật nội dung học tập, làm theo Bác vào các kế hoạch, nghị quyết hàng năm, nghị quyết chuyên đề của chi, đảng bộ gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "Tự diễn biến", "Tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đặc biệt Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra phương châm, chủ đề hành động hàng năm như: 2017: "Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính"; 2018, xây dựng chính quyền các cấp "Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả"; 2019 "Hành động - Kỷ cương - Trách nhiệm - Sáng tạo - Về đích", 2020 "Năm chắc thời cơ, hành động quyết liệt, sáng tạo, bút phá, phát triển nhanh và bền vững"; 2021 "Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển".

Qua học tập và làm theo Bác, tinh thần trách nhiệm trong việc tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong công tác trong cán bộ, đảng viên được nâng lên. Nhiều mô hình học tập và làm theo Bác được xây dựng, nhân rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, như phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng Đảng, hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội.... trong năm 5 có 5.786 mô hình được xây dựng và nhân rộng. Đặc biệt, nhằm nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy, người đứng đầu trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch tổ chức hội thi tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và lựa chọn mô hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác. Đối tượng dự thi là Bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp (toàn tỉnh đã có 155 hội thi từ cấp đảng bộ cơ sở đến cấp tỉnh, với 2.725 đồng chí tham gia).

Bên cạnh đó, nhiều phong trào thi đua phát triển mạnh mẽ với nhiều hình thức đa dạng, như: Trong cán bộ, công chức, viên chức có phong trào "*Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu*"; trong giáo dục có phong trào "*Thi đua dạy tốt, học tốt*";

trong công an có phong trào “*Vì an ninh Tổ quốc*”; trong quân đội có phong trào “*Thi đua quyết thắng*”; trong nông dân có phong trào “*Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi*”; trong phụ nữ có phong trào “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*”; trong thanh niên có phong trào “*Thanh niên giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững*”; trong công nhân có phong trào thi đua “*Lao động giỏi, lao động sáng tạo*”; Hội Cựu chiến binh với phong trào “*Cựu chiến binh gương mẫu*”; cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; “*Dân vận khéo*”; “*Đền ơn, đáp nghĩa*”,... Các phong trào thi đua sôi nổi tạo sự chuyển biến sâu sắc, mang lại hiệu quả thiết thực, khơi dậy sức mạnh tổng hợp, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế của tỉnh nhà.

Công tác biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có 184 điển hình của tập thể và cá nhân được nhận bằng khen của UBND tỉnh, 43 điển hình được triển lãm ở Trung ương, hàng trăm tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng từ cơ sở đến huyện.

Việc xét chọn giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, kết quả có 54 tác phẩm tham gia và 02 tác phẩm thuộc lĩnh vực quảng bá; qua đó tỉnh lựa chọn 15 tập thể gửi về Trung ương; xét chọn và giới thiệu cho Ban Tuyên giáo Trung ương 04 cá nhân, 03 tập thể tiêu biểu tham gia Triển lãm “Những tấm gương bình dị mà cao quý”.

Qua 05 năm triển khai, quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, việc học tập và làm theo Bác ngày càng thực chất, đi vào chiều sâu, dần trở thành ý thức tự giác, vai trò nêu gương, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị ngày càng được phát huy; các cấp ủy nhận thức rõ nội dung, mục đích, yêu cầu của việc học tập và làm theo Bác là nội dung lãnh đạo xuyên suốt. Ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực thi nhiệm vụ được nâng lên, kỷ luật, kỷ cương hành chính được thực hiện nghiêm, đạo đức công vụ từng bước hoàn thiện; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường, từng bước đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên... góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của đảng viên và quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội được nâng cao, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tích cực tham gia các hoạt động giúp nhau sản xuất, với sự chung tay giúp đỡ của cộng đồng, nhiều người đã thoát nghèo vươn lên. Từ đó, đã tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ chính trị

Năm 2021 tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy liên quan đến việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trong đó chú trọng một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ý nghĩa, vai trò của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đối với công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là người đứng đầu.

Hai là, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, đổi mới nội dung, hình thức chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, bảo đảm thiết thực, phù hợp, hiệu quả với từng địa phương, đơn vị.

Ba là, đổi mới công tác xây dựng, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác, góp phần lan tỏa gương người tốt, những cách làm hay trong học tập và làm theo Bác.

*Bốn là, tăng cường phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu; chú trọng hình thức biểu dương, khen thưởng đột xuất đối với những tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu với phương châm “*Lấy tích cực để đẩy lùi tiêu cực*”; quan tâm biểu dương tại các cuộc họp sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cơ quan, đoàn thể.*

*Năm là, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ, phóng viên tiếp tục sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Các cơ quan báo chí, truyền thông tiếp tục phát huy, đầu tư nhiều hơn cho các chương trình, chuyên trang, chuyên mục về “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.*

Sáu là, tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030; nâng cao chất lượng công tác giảng dạy tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục, các cấp bộ đoàn, hội, đội. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, quy chế, nội quy làm việc, các chuẩn mực đạo đức theo hướng ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp với đặc điểm của từng chi bộ, cơ quan, đơn vị.

Nhân kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tỉnh Trà Vinh phát huy những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của dân tộc Việt Nam qua hơn 35 năm đổi mới, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh thời đại quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, tạo bút phá để ***“Trà Vinh đạt chuẩn Nông thôn mới trước năm 2025, là tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030”***.